| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN BÌNH THẠNH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 1715/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa*: Ông Hồ Minh Thuận

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Ngọc Trà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1028/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 201/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Số 3 đường N, Phường H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

*Bị đơn:* Ông Trương Minh T, sinh năm 1981.
Địa chỉ: 39 đường X, Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 04/6/2018, bản tự khai và tại các biên bản của Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc P trình bày: Bà và ông T tự nguyện kết hôn năm 2002, theo giấy chứng nhận kết hôn số 143, quyển số 01/2002 ngày 19/8/2002 của UBND phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông T nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống và nhiều vấn đề khác không đồng thuận nên không hạnh phúc, xuất phát từ tính tình không hòa hợp giữa các bên. Do đó tình cảm vợ chồng không còn,

không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên ông bà đã ly thân từ năm 2015. Nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân này nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thị Phương L, sinh ngày 22/02/2003 và Trương Thị Phương N, sinh ngày 03/6/2009 bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu ông Tài cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để làm bản khai, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tống đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn không đến tòa án để có ý kiến phản hồi của mình, do đó Tòa án không có cơ sở để xem xét ý kiến của ông T.

Về án phí: Bà P chịu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nguyên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả việc tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp Ly hôn, bị đơn cư trú tại…., quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

2. Về yêu cầu của đương sự: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn thể hiện hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với lý do không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, đôi bên mâu thuẫn đã lâu do khác biệt về quan điểm. Căn cứ lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện tình cảm của đôi bên phai nhạt, nguyên đơn không còn tình cảm yêu thương và đã sống ly thân. Điều đó chứng tỏ giữa đôi bên có sự rạn nứt về tình cảm và sự khác biệt trong quan điểm xây dựng hạnh phúc gia đình. Chính vì sự trái ngược về quan điểm và thiếu sự tin tưởng lẫn nhau nên nguyên đơn và bị đơn không tìm ra hướng giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và sống ly thân năm 2015 đến nay.

Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Bị đơn không đến tòa án trong các lần Tòa án triệu tập, chứng tỏ bị đơn không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân gia đình. Xét, hôn nhân là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải cùng chung sống và cùng mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nay mâu thuẫn giữa đôi bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thị Phương L, sinh ngày

22/02/2003 và Trương Thị Phương N, sinh ngày 03/6/2009 bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu ông Tài cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng hai con chung đều mong muốn ở với mẹ. Do đó HĐXX xét thấy nên giao hai con chung cho bà P trực tiếp nuôi con. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung : Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên tòa không xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc P:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc P ly hôn với ông Trương Minh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thị Phương L, sinh ngày 22/02/2003 và Trương Thị Phương N, sinh ngày 03/6/2009 giao hai con chung cho bà Phương trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phương không yêu cầu ông Tài cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được quyền thăm nom chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung, hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung : Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà P phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp đồng theo biên lai thu số 0004713 ngày 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- THA Dân sự Q. Bình Thạnh;
- UBND Phường 3, Q. Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Minh Thuận**